

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ PHƯỚC LONG
TỈNH BÌNH PHƯỚC**

Bản án số: 15/2020/HNGĐ-ST

Ngày 25-5-2020

“V/v Ly hôn” giữa anh Đoàn Ngọc
T và chị Đỗ Vương Thùy D.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ PHƯỚC LONG, TỈNH BÌNH PHƯỚC

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Trần Ánh Nguyệt

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phạm Khoa Nam
2. Bà Nguyễn Thị Ngọc Mai

- Thư ký phiên tòa: Bà Đặng Thị Vui – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Phước Long, tỉnh Bình Phước.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Phước Long tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Thảo – Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 05 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Phước Long, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 63/2020/TLST-HNGĐ ngày 25 tháng 02 năm 2020 về “Ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 17/2020/QĐXX - HNGĐ ngày 07 tháng 5 năm 2020, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Anh Đoàn Ngọc T, sinh năm: 1973

Địa chỉ: Số nhà 286 đường M, phường 10, quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh.
Tạm trú: Khu phố 3, phường P, thị xã Phước Long, tỉnh Bình Phước.

Bị đơn: Chị Đỗ Vương Thùy D, sinh năm: 1987

Địa chỉ: Khu phố 3, phường P, thị xã Phước Long, tỉnh Bình Phước.

Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa nhưng đã có đơn xin xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện đề ngày 24/02/2020 và trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa nguyên đơn anh Đoàn Ngọc T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh T và chị D sau thời gian tìm hiểu đã tự nguyện kết hôn, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường 10, quận 3, thành phố Hồ Chí Minh vào ngày 25/11/2019 và được cấp giấy chứng nhận kết hôn số 71/2019. Sau khi kết hôn, anh T và chị D chung sống tại nhà riêng của anh T tại khu phố 3, phường P. Chung sống hạnh phúc được một thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống về công việc và tiền bạc, không tìm được tiếng nói chung nên vợ chồng thường xuyên cãi vã. Đến ngày 19/02/2020, vợ chồng đã tự sống ly thân cho đến nay, không ai quan tâm đến ai, không thể hàn gắn tình cảm vợ chồng. Xét thấy mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống hôn nhân không thể kéo dài nên anh T yêu cầu Tòa án giải quyết cho anh T được ly hôn với chị D.

Về con chung: Anh T và chị D không có con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong bản tự khai ngày 04/3/2020 bị đơn chị Đỗ Vương Thùy D trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị D và anh T kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn vào ngày 25/11/2019 tại UBND phường 10, quận 3, thành phố Hồ Chí Minh, được cấp giấy chứng nhận kết hôn số 71/2019. Vợ chồng chung sống không hạnh phúc, nguyên nhân là do anh T vũ phu, quá kiểm soát, áp đặt đối với chị D. Vợ chồng đã tự sống ly thân từ ngày 20/02/2020 cho đến nay, anh T cũng nhiều lần liên lạc với chị để vợ chồng đoàn tụ nhưng chị thấy mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được. Nay trước yêu cầu ly hôn của anh T, chị D đồng ý.

Về con chung: Chị D trình bày không có con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát:

- Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, thư ký đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử đúng thành phần, thực hiện nguyên tắc xét xử độc lập, chỉ tuân theo pháp luật. Nguyên đơn, bị đơn đã tuân thủ đúng trình tự thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án. Tại phiên tòa, nguyên đơn và bị đơn có đơn xin xét xử vắng mặt nên đề nghị Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn theo quy định.

- Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 53, 56, 57 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm

a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30-12-2016 chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Đoàn Ngọc T.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên Tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

Về thủ tục tố tụng:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án: Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết được ly hôn với chị D. Do đó, xác định đây là vụ án “Ly hôn,”. Trong vụ án, bị đơn có nơi cư trú tại khu phố 3 , phường p, thị xã Phước Long, tỉnh Bình Phước nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Phước Long theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa, vắng mặt nguyên đơn và bị đơn nhưng có đơn xin giải quyết vắng mặt nên căn cứ khoản 1 Điều 227 và khoản 1 Điều 228, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án vắng mặt nguyên đơn, bị đơn.

Về nội dung:

[2] Anh Đoàn Ngọc T và chị Đỗ Vương Thùy D kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường 10, quận 3, thành phố Hồ Chí Minh vào ngày 25/11/2019 và được cấp giấy chứng nhận kết hôn số 71/2019. Do đó, đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp.

[3] Xét yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn: Hội đồng xét xử căn cứ vào lời trình bày của nguyên đơn và bị đơn đều thống nhất thừa nhận sau khi kết hôn vợ chồng chung sống không hạnh phúc, thường xuyên phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống về công việc và tiền bạc nên hay cãi vã. Hiện anh T và chị D đã sống ly thân từ ngày 19/02/2020 cho đến nay, ai cũng có cuộc sống riêng và không quan tâm đến nhau nữa. Đồng thời, tại bản tự khai ngày 04/3/2020 của chị D trình bày không thể kéo dài cuộc sống hôn nhân với anh T được nữa nên đồng ý ly hôn.

Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử nhận thấy mâu thuẫn hôn nhân giữa anh T và chị D đã lâm vào trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn, đời sống chung không thể kéo dài. Vì vậy, yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn anh Đoàn Ngọc T là có căn cứ nên cần được chấp nhận. Áp dụng Điều 56 Luật Hôn nhân & gia đình 2014 tuyên xử cho anh T được ly hôn với chị D.

[4] Về con chung: Anh T, chị D thống nhất không có con chung nên Hội đồng xét xử không xét.

[5] Về tài sản chung và nợ chung: Anh T, chị D không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xét.

[6] Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Căn cứ khoản 4 Điều 147 BLTTDS 2015 và khoản 5 Điều 27 NQ số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án nguyên đơn phải chịu 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Khoản 1 Điều 53, Điều 56, Điều 57 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội về án phí -lệ phí Tòa án

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân:

Chấp nhận yêu cầu ly hôn của nguyên đơn, anh Đoàn Ngọc T được ly hôn với chị Đỗ Vương Thùy D.

2. Về con chung: Anh T, chị D trình bày không có con chung.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Anh T, chị D không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm không có giá ngạch: Anh Đoàn Ngọc T phải chịu 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng, được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí anh T đã nộp theo Biên lai thu số 0006xxx ngày 25/02/2020 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã Phước Long, tỉnh Bình Phước.

5. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn mười lăm ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết tại địa phương.

“Trường hợp Quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự”.

Nơi nhận:

- TAND, VKSND tỉnh Bình Phước;
- VKSND thị xã Phước Long
- Chi cục THADS Tx. Phước Long;
- Các đương sự;
- UBND phường 10, Quận 3, Tp. Hồ Chí Minh (số 71, ngày 25/11/2019);
- Lưu hồ sơ vụ án, Tòa án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**
(Đã ký)

Nguyễn Trần Ánh Nguyệt

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm Khoa Nam Nguyễn Thị Ngọc Mai

Nguyễn Trần Ánh Nguyệt

